

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03** /2013/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **06** tháng 02 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 1929
	Ngày: 18/2

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp

trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 10 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

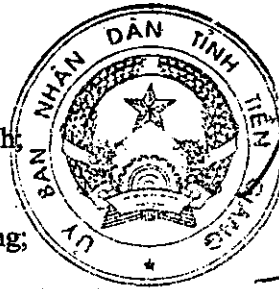
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5122/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế thực hiện cơ chế phối hợp liên thông trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *1/ MC*

- Như Điều 3
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Ban chỉ đạo Tây Nam bộ;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 9;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Mỹ Tho, TX. Gò Công;
- VPUB: LB VP, Các phòng NC;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.NCTH (4b). *36b*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hương

QUY CHẾ

Phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2013/QĐ-UBND
ngày 06 / 02 /2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và quan hệ phối hợp trong tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính để nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Các thủ tục hành chính về đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này gồm:

- a) Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư;
- b) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

3. Các thủ tục hành chính khác có liên quan đến dự án đầu tư, không thuộc các thủ tục nêu tại khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn, quy định của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính đó.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Nhà đầu tư là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

a) Doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật Đầu tư.

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã.

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập trước khi Luật Đầu tư năm 2005 có hiệu lực.

d) Hộ kinh doanh, cá nhân.

đ) Tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú ở Việt Nam.

e) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch; các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công (sau đây gọi là UBND cấp huyện); các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Tổ thực hiện cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (sau đây gọi là Tổ liên ngành) do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ.

Chương II

CƠ CHẾ PHỐI HỢP

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết thủ tục đầu tư được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

1. Nội dung công việc phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Bảo đảm yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời hạn phối hợp.

3. Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp; đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức tham gia phối hợp.

4. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp.

5. Khi phối hợp giải quyết các thủ tục đầu tư, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết thủ tục đầu tư trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ngành, cấp mình; đồng thời đề cao vai trò, trách nhiệm trong việc phối hợp với các sở, ngành, cấp có liên quan giải quyết thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư; góp phần đảm bảo việc giải quyết các thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh được thực hiện một cách thuận lợi, nhanh chóng, đúng pháp luật và chủ trương của tỉnh.

Điều 4. Quy trình phối hợp

1. Khi có yêu cầu tìm hiểu về môi trường đầu tư của tỉnh và thực hiện các thủ tục đầu tư của dự án trên địa bàn tỉnh, nhà đầu tư liên hệ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch để được cung cấp thông tin về môi trường đầu tư, được hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư nêu tại khoản 2, Điều 1 của Quy chế này và được hỗ trợ lập hồ sơ đầu tư theo quy định.

Trường hợp muốn thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, nhà đầu tư liên hệ với các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp để được cung cấp thông tin và hướng dẫn các thủ tục đầu tư.

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, Ban Quản lý các khu công nghiệp tiếp nhận thông tin, các yêu cầu, đề nghị của nhà đầu tư, có trách nhiệm thông báo các yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư đến các cơ quan Nhà nước có liên quan để giải quyết theo đúng thẩm quyền. Trường hợp các yêu cầu, đề nghị của nhà đầu tư có liên quan đến nhiều cơ quan thì đề nghị cơ quan đầu mối lấy ý kiến Tổ liên ngành và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

2. Cơ quan đầu mối về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan đầu mối) được quy định như sau:

a) Ban Quản lý các Khu công nghiệp là Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đầu tư của dự án đầu tư trong các khu công nghiệp và dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục đầu tư của dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp và thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.

3. Tổ liên ngành:

Tổ liên ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết về chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm tra và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp cấp giấy chứng nhận đầu tư, giải quyết các vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai nghiên cứu và thực hiện dự án.

Thành viên của Tổ liên ngành là đại diện lãnh đạo các sở, ngành, cơ quan có liên quan, có trách nhiệm xem xét, có ý kiến giải quyết các thủ tục đầu tư tại cuộc họp Tổ liên ngành hoặc góp ý bằng văn bản theo yêu cầu của Cơ quan đầu mối.

4. Các sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện khi tiếp nhận các đề nghị của Cơ quan đầu mối, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu có vấn đề vượt ngoài thẩm quyền, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định, đồng thời gửi cho Cơ quan đầu mối biết để phối hợp.

Điều 5. Trách nhiệm của Cơ quan đầu mối

1. Tổ chức họp Tổ Liên ngành; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có liên quan xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các thủ tục đầu tư, các đề nghị, yêu cầu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Niêm yết tại trụ sở cơ quan làm việc các quy trình, thủ tục đầu tư nêu tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này để nhà đầu tư biết, thực hiện.

3. Có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định khi có yêu cầu, đề nghị của nhà đầu tư; cung cấp và hướng dẫn các quy định, chủ trương, chính sách ưu đãi của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh cho nhà đầu tư biết, thực hiện.

4. Sau khi tiếp nhận các hồ sơ của nhà đầu tư, trong thời hạn không quá 2 (hai) ngày làm việc, Cơ quan đầu mối có trách nhiệm gửi hồ sơ đến các thành viên trong Tổ Liên ngành, cơ quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện để lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Trong trường hợp cần phải tháo gỡ ngay khó khăn, vướng mắc trong giải quyết thủ tục đầu tư hoặc trong quá trình nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng dự án, Cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với thành viên trong Tổ liên ngành và các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện (nơi triển khai dự án) tổ chức họp hoặc khảo sát thực tế để tháo gỡ hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Kết quả họp hoặc khảo sát thực tế phải có biên bản giải quyết và thông báo ngay đến nhà đầu tư, sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, ngay sau khi họp hoặc sau khi khảo sát, Cơ quan đầu mối báo cáo, đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Trong trường hợp có yêu cầu của nhà đầu tư, Cơ quan đầu mối có thể cùng với nhà đầu tư trực tiếp làm việc với sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện có liên quan để giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch thực hiện công tác xúc tiến đầu tư và hỗ trợ nhà đầu tư về thực hiện các thủ tục hành chính trong triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các sở, ngành, địa phương giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, triển khai và thực hiện dự án đầu tư.

3. Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan đầu mối theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

4. Tổ chức khảo sát thực tế tại địa điểm mà nhà đầu tư dự kiến triển khai dự án nếu cần thiết.

5. Tổng hợp kết quả và các vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 20 và Điều 37 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

2. Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan đầu mối theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch thực hiện công tác xúc tiến, mời gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp.

Điều 8. Trách nhiệm của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch

1. Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và cho công bố các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh; ban hành mẫu lập Danh mục dự án kêu gọi đầu tư và thông tin ban đầu của dự án mời gọi đầu tư.

2. Niêm yết tại trụ sở cơ quan làm việc và phổ biến trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh (www.tiengiang.gov.vn) các quy trình, thủ tục đầu tư được quy định tại Khoản 2, Điều 1 của Quy chế này để nhà đầu tư biết, thực hiện.

3. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định khi có yêu cầu, đề nghị của nhà đầu tư; cung cấp và hướng dẫn các quy định, chủ trương, chính sách ưu đãi của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân tỉnh cho nhà đầu tư biết, thực hiện. Thu thập và cung cấp các thông tin, tài liệu được phép phổ biến theo yêu cầu tìm hiểu của nhà đầu tư về môi trường, cơ hội đầu tư trên địa bàn tỉnh.

4. Trong trường hợp có yêu cầu của nhà đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch có thể cùng với nhà đầu tư trực tiếp làm việc với sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan để giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư.

5. Trong trường hợp cần phải tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình nhà đầu tư triển khai đầu tư xây dựng dự án, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch đề nghị Cơ quan đầu mối tổ chức họp Tổ liên ngành hoặc tổ chức đoàn đi khảo sát thực tế gồm các thành viên trong Tổ liên ngành, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi triển khai dự án) để tháo gỡ hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến giải quyết các khó khăn, vướng mắc. Kết quả họp hoặc khảo sát thực tế phải có biên bản giải quyết và thông báo ngay đến nhà đầu tư, cùng sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, ngay sau khi họp hoặc sau khi khảo sát,

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại - Du lịch báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp tổng hợp kết quả và các vấn đề vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tài chính đối với dự án đầu tư do tỉnh quản lý.

2. Phối hợp với các ngành có liên quan có ý kiến đề xuất xử lý các vấn đề liên quan đến sử dụng đất công, tài sản công.

3. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí và các vấn đề có liên quan đến tài chính khác.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng đã được công bố theo thẩm quyền; hướng dẫn thực hiện các quy định về xây dựng khi có yêu cầu.

2. Có ý kiến về địa điểm xây dựng đối với các dự án theo thủ tục quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Quy chế này.

3. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng, sự phù hợp của các dự án đầu tư đối với các quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực xây dựng đối với dự án đầu tư.

5. Kiểm tra, đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với các dự án Khu đô thị, Khu dân cư, Khu nhà ở và các dự án khác thuộc lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Cung cấp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có liên quan đến dự án đầu tư cho nhà đầu tư; hướng dẫn các thủ tục có liên quan về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Thỏa thuận địa điểm thực hiện dự án đầu tư sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về sự phù hợp của các dự án đầu tư so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương, quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và các nguồn tài nguyên.

4. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các tác động của dự án đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch hệ thống điện, mạng lưới thương mại và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Công Thương, sự phù hợp của dự án đầu tư đối với quy hoạch phát triển ngành;

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động công nghiệp, thương mại của dự án đầu tư.

4. Kiểm tra, đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với các dự án đầu tư phát triển chợ, trung tâm thương mại.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn thực hiện các quy định về khoa học công nghệ liên quan đến hoạt động đầu tư;

2. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến khoa học, công nghệ của các dự án đầu tư.

3. Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của dự án đầu tư.

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh.

1. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về kiến nghị chính sách ưu đãi đầu tư dành cho dự án.

2. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực thuế, phí, lệ phí.

3. Hướng dẫn, phổ biến chính sách thuế; hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thủ tục kê khai, nộp thuế; mở sổ sách kế toán; việc phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn.

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành khác có liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch ngành đã được phê duyệt và công bố theo thẩm quyền; có ý kiến giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các thủ tục đầu tư, các đề nghị, yêu cầu của nhà đầu tư theo chức năng và thẩm quyền của mình.

2. Hỗ trợ nhà đầu tư về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành trong quá trình nhà đầu tư triển khai dự án và đưa dự án vào hoạt động.

3. Thẩm tra và có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch phát triển ngành; khả năng đáp ứng điều kiện đối với các dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về môi trường.

4. Có ý kiến trả lời các yêu cầu, đề nghị của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp về các vấn đề liên quan đến dự án đầu tư trong thời gian tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị. Quá thời hạn quy định mà không có ý kiến trả lời xem như đồng ý với kết quả giải quyết.

5. Chủ trì hoặc phối hợp với các sở, ngành liên quan giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc của dự án đầu tư trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành quản lý của mình.

6. Kiểm tra, đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn đối với các dự án đầu tư thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã được phê duyệt và được công bố theo thẩm quyền của cấp huyện; công bố các thông tin về: mật độ xây dựng, lộ giới, tầng cao; quy hoạch về ngành nghề trên địa bàn.

2. Có ý kiến về địa điểm, lĩnh vực, mục tiêu sản phẩm, quy mô dự án đầu tư trên địa bàn.

3. Thông báo bằng văn bản về tính pháp lý, hiện trạng và nguồn gốc khu đất thực hiện dự án do nhà đầu tư đề xuất.

4. Thực hiện các thủ tục pháp lý thuộc thẩm quyền về thu hồi đất, cho thuê đất, giao đất cho nhà đầu tư để triển khai thực hiện dự án.

5. Hỗ trợ cho nhà đầu tư lập phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, về triển khai thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn và những vấn đề có liên quan khác theo thẩm quyền.

6. Chủ trì cùng với nhà đầu tư và các sở, ngành liên quan tiến hành thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất của các hộ dân trong khu vực dự án. Thực thi các chính sách tái định cư theo quy định (nếu có).

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện bàn giao mốc ranh khu đất trên thực địa để nhà đầu tư triển khai dự án.

8. Định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tình hình hỗ trợ nhà đầu tư về thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vật kiến trúc gắn liền với đất (nếu có), tình hình triển khai dự án đầu tư trên địa bàn.

9. Quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư thi công xây dựng, thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền.

Chương III

THỦ TỤC ĐẦU TƯ

Điều 17. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quy chế này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và có ý kiến bằng văn bản chấp thuận cho nhà đầu tư nghiên cứu, lập hồ sơ dự án trong thời hạn quy định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp xem xét, cấp giấy chứng nhận đầu tư. Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về chủ trương đầu tư, nhà đầu tư sẽ được ưu tiên lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 6 tháng.

Trong trường hợp không kịp hoàn chỉnh hồ sơ dự án trong thời hạn 6 tháng, nhà đầu tư phải có báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do không kịp hoàn chỉnh hồ sơ dự án và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho gia hạn thời gian nghiên cứu dự án.

Nếu quá thời hạn nghiên cứu, lập hồ sơ dự án nêu trên mà nhà đầu tư chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư và cũng không được gia hạn thời gian nghiên cứu dự án, văn bản chấp thuận về chủ trương đầu tư sẽ đương nhiên hết hiệu lực và bị hủy bỏ. Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm đối với mọi chi phí liên quan đến công việc đã thực hiện.

2. Các trường hợp không phải xin chủ trương đầu tư.

Nhà đầu tư có quyền triển khai ngay các thủ tục đầu tư của giai đoạn sau mà không phải xin chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành tại lô đất đã thuộc quyền sử dụng của nhà đầu tư, có sơ đồ, ranh giới rõ ràng do cơ quan quản lý nhà nước về đất đai lập hoặc xác nhận;

b) Dự án đầu tư trong nước phù hợp với quy hoạch có quy mô vốn đầu tư dưới 300 (ba trăm) tỷ đồng, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và không thuộc đối tượng phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

c) Dự án đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất tại cơ sở sản xuất đang hoạt động; các dự án đầu tư không có nhu cầu sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh; các dự án đầu tư thuê lại cơ sở vật chất, mặt bằng đã được xây dựng hợp pháp, mục tiêu đầu tư và hoạt động của dự án phù hợp với quy hoạch.

d) Các dự án không có sử dụng đất công, đầu tư trong khu đô thị mới, khu nhà ở đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

3. Đối với các dự án quan trọng quốc gia.

Chủ đầu tư phải lập Báo cáo đầu tư xây dựng công trình trình Quốc hội xem xét, quyết định về chủ trương đầu tư theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

4. Đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, sau khi thỏa thuận về mục tiêu, quy mô và vị trí dự án với Ủy ban nhân dân tỉnh, nhà đầu tư lập hồ sơ dự án theo các yêu cầu hồ sơ thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tổ chức lấy ý kiến các Bộ ngành Trung ương để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về chủ trương đầu tư.

5. Đối với dự án khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.
- Thuyết minh về ý tưởng đầu tư thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

+ Giới thiệu về nhà đầu tư gồm: tên, địa chỉ của nhà đầu tư (doanh nghiệp hoặc cá nhân); lĩnh vực đầu tư, sản phẩm chính.

+ Tên dự án, mục tiêu đầu tư, dự kiến quy mô, hình thức đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án.

+ Dự kiến tổng vốn và nguồn vốn đầu tư cho dự án, phương án huy động vốn.

+ Địa điểm dự án, dự kiến nhu cầu và hình thức sử dụng đất; trong đó xác định rõ đất dùng cho sản xuất, đất dùng cho nhà xưởng và văn phòng.

+ Vị trí và hiện trạng khu đất đề nghị cho dự án có kèm theo bản vẽ sơ đồ vị trí khu đất;

- Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của nhà đầu tư:

+ Đối với nhà đầu tư là tổ chức: bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp trong nước; tài liệu xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư nước ngoài.

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước; bản sao hợp lệ hộ chiếu (đang còn thời hạn hiệu lực) đối với nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam.

- Số lượng bộ hồ sơ: 10 bộ

7. Trình tự và thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư:

- Trình tự:

+ Để được xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, nhà đầu tư gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 6 Điều này đến Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp tiếp nhận hồ sơ, có văn bản lấy ý kiến các sở, ngành liên quan trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Các thành viên Tổ liên ngành, sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan, có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp tổng hợp ý kiến các ngành và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến bằng văn bản của các thành viên Tổ liên ngành, sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

có liên quan. Trong trường hợp có ý kiến khác nhau giữa các ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp tổ chức họp Tổ liên ngành để thống nhất ý kiến trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho nhà đầu tư về kết quả họp Tổ liên ngành trong thời hạn 04 (bốn) ngày làm việc.

+ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến về chủ trương đầu tư trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp thông báo kết quả giải quyết cho nhà đầu tư trong thời hạn 1 (một) ngày kể từ khi nhận được ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thời gian giải quyết thủ tục không quá 25 ngày làm việc, không tính thời gian chờ nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư

1. Đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

2. Các dự án không thuộc diện phải xin chủ trương đầu tư, nhà đầu tư thực hiện đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

3. Đối với những dự án thuộc diện phải tổ chức thẩm tra, trước khi đề xuất cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý các khu công nghiệp lấy ý kiến thẩm tra của sở, ngành liên quan hoặc tổ chức lấy ý kiến Tổ liên ngành;

4. Hồ sơ, thủ tục và thời gian thực hiện đăng ký, đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư:

a) Đối với dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp, hồ sơ, thủ tục và thời gian thực hiện theo quy định tại Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công bố.

b) Đối với dự án đầu tư trong khu công nghiệp, hồ sơ, thủ tục và thời gian thực hiện theo quy định tại Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tiền Giang, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang công bố.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Báo cáo thực hiện mời gọi đầu tư của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện

1. Chế độ báo cáo: Định kỳ 6 tháng và cả năm, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, các sở, ban ngành và UBND cấp huyện báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư tình hình mời gọi đầu tư đối với các dự án do sở, ban ngành và UBND cấp huyện quản lý, bao gồm dự án thuộc Danh mục mời gọi đầu tư và các dự án không thuộc danh mục mời gọi đầu tư (các dự án do nhà đầu tư đề xuất, các dự án không thuộc danh mục mời gọi đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cho công bố).

2. Nội dung báo cáo bao gồm:

Thực hiện theo mẫu báo cáo nêu tại Phụ lục ban hành kèm Quy chế này.

3. Phương thức báo cáo:

Gửi thư điện tử đến địa chỉ: skhdt@tiengiang.gov.vn và gửi bằng văn bản.

4. Thời gian gửi báo cáo:

Ngày 15 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 15 tháng 12 đối với báo cáo năm.

5. Cơ quan tổng hợp:

Trên cơ sở báo cáo của Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 20. Quy định khác

1. Căn cứ vào Quy chế này và các Quy định hiện hành về hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp:

a) Cơ quan đầu mối, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch xây dựng Quy chế của Cơ quan về hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư theo nhiệm vụ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng và ban hành Quy chế hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định hiện hành.

2. Những dự án đang triển khai đầu tư, nhà đầu tư có thể yêu cầu Cơ quan đầu mối hỗ trợ giải quyết các thủ tục chưa thực hiện nhằm sớm đưa dự án vào hoạt động.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện:

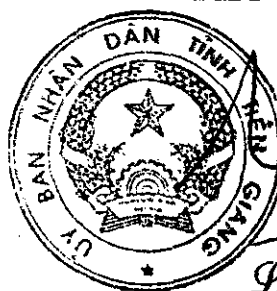
1. Phải xác định việc giải quyết các thủ tục hành chính để nhà đầu tư sớm thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn là một trong các giải pháp quan trọng để thu hút đầu tư. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh phải tổ chức, sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất thích hợp để thực hiện tốt công tác này.

2. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức của ngành, đơn vị mình gây ra ách tắc, những nhiễu, gây khó khăn cho nhà đầu tư đến quan hệ tìm hiểu cơ hội đầu tư, thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn.

3. Phân công một thành viên trong ban lãnh đạo chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan đến đầu tư trên địa bàn, thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch biết để phối hợp thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hương

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

BÁO CÁO

V/v Nhà đầu tư đến tìm hiểu và đăng ký đầu tư tại

I. TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ, TÌM HIỂU ĐẦU TƯ:

1. Đối với các dự án thuộc danh mục mời gọi đầu tư:

- Tổng số dự án có nhà đầu tư đăng ký thực hiện, tổng vốn đăng ký. Trong đó, số dự án có từ 2 nhà đầu tư đăng ký.....
- Đã trình chấp thuận chủ trương đầu tư: ... dự án.
- Các dự án đăng ký nhưng không thực hiện.
- Tình hình triển khai thực hiện dự án đầu tư: số dự án đưa vào hoạt động, tổng vốn; số dự án đang triển khai, tổng vốn; số dự án chưa triển khai, tổng vốn.

2. Đối với các dự án không thuộc danh mục mời gọi đầu tư:

- Tổng số dự án đăng ký đầu tư, tổng vốn đăng ký, thuộc các lĩnh vực...; Trong đó
- Đã trình chấp thuận chủ trương đầu tư: ... dự án.
- Các dự án đăng ký nhưng không thực hiện.
- Tình hình triển khai thực hiện dự án đầu tư: số dự án đưa vào hoạt động, tổng vốn; số dự án đang triển khai, tổng vốn; số dự án chưa triển khai, tổng vốn.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC THỎA THUẬN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, VẬT KIẾN TRÚC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT:

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TRONG THỜI GIAN QUA:

1. Thuận lợi:

-
-

2. Khó khăn, vướng mắc:

-
-

Nguyên nhân:

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

-
-

Nơi nhận:

-
-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ